

**CÔNG TY CỔ PHẦN GABIZ TOÀN CẦU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GABIZ TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GABIZ GLOBAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GABIZ GLOBAL., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109616929

**3. Ngày thành lập:** 04/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 12, ngách 25/61 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904 671027

Fax:

Email: [vantd.thanhs@gmail.com](mailto:vantd.thanhs@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xuất bản phần mềm<br>(trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                               | 5820     |
| 2.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến (Điều 45 Luật Chuyển giao công nghệ 2017)                                                                                    | 7490     |
| 3.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp lý, tài chính, kế toán)                                                                                                                                          | 6619     |
| 4.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                              | 6311     |
| 5.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: Lắp đặt các thiết bị, sản phẩm và dịch vụ tin học, hệ thống công nghệ thông tin, viễn thông (Điều 25, Điều 36 Luật viễn thông năm 2009)                                                                                     | 3320     |
| 6.  | Quảng cáo<br>(trừ những Quảng cáo mà Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                               | 7310     |
| 7.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                           | 7320     |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hoạt động hợp báo; trừ kinh doanh vũ trường, phòng trà ca nhạc và không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) | 8230     |
| 9.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                        | 2620     |

|     |                                                                                                                                                                           |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                       | 6202        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                         | 6209        |
| 12. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                 | 6312        |
| 13. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                 | 9511        |
| 14. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                | 9512        |
| 15. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                              | 9521        |
| 16. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                | 2610        |
| 17. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                            | 2630        |
| 18. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                        | 2640        |
| 19. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                    | 2732        |
| 20. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                   | 2733        |
| 21. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                | 3312        |
| 22. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                    | 3313        |
| 23. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                    | 3314        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                     | 4321        |
| 25. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4741        |
| 26. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                    | 4791        |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                  | 4659        |
| 28. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ các loại hàng hóa mà Nhà nước cấm)                                                                                                              | 4690        |
| 29. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá và môi giới bất động sản)                        | 4610        |
| 30. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                     | 8211        |
| 31. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                              | 8220        |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty sản xuất, kinh doanh (Trừ các mặt hàng Nhà nước cấm) | 8299        |
| 33. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                  | 7020(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông                                    | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG HIỆU VÀ QUẢN TRỊ THANHS | Số nhà 12, ngách 25, ngõ 61 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 0101033298                                                                                  |         |
|     |                                                |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                |                                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                |                                                                                                       | Tổng số                   | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                                                |                                                                                                       |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐẶNG THANH VÂN                                 | Số 12 Ngõ 25/61 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông         | 80.000     | 800.000.000           | 16,000    | 011743413                                                                                   |         |
|     |                                                |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                |                                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                |                                                                                                       | Tổng số                   | 80.000     | 800.000.000           | 16,000    |                                                                                             |         |
|     |                                                |                                                                                                       |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                                         |                           |        |             |        |              |
|---|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN LÊ DŨNG   | P3225A, R2B Royal City, 72 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 | 019068000105 |
|   |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                         | Tổng số                   | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 |              |
| 4 | NGUYỄN ĐỨC DŨNG  | 34 ngách 66 ngõ Đình Đông, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông         | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 | 001080028679 |
|   |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                         | Tổng số                   | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 |              |
| 5 | PHÙNG HOÀNG MINH | 306 Tổ 42 Hoàng Văn Thụ, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông         | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 | 001080008919 |
|   |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                         | Tổng số                   | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 |              |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐẶNG THANH VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 03/04/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 011743413

Ngày cấp: 10/09/2012

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 12 Ngõ 25/61 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 12 Ngõ 25/61 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội